

Số: 591/2023/GBS/CV

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng đầu năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu
 - Mã chứng khoán: MCM
 - Địa chỉ: Tiểu khu Cơ quan, Thị trấn nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.
 - Điện thoại liên hệ: 0212 3866 065
 - Email: Website: mcmilk.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC soát xét 6 tháng năm 2023:
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:
 - Có Không
 - Văn bản giả trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - Có Không
 - Văn bản giả trình trong trường hợp có
 - Có Không
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - Có Không
 - Văn bản giả trình trong trường hợp có
 - Có Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/08/2023 tại đường dẫn: Mcmilk.com.vn/ Quan hệ cổ đông/ Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU

Đại diện pháp luật



Phạm Hải Nam
Tổng giám đốc



Số: 592/2023/GBS/CV

Sơn La, ngày 08 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận
6 tháng đầu năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - Căn cứ vào Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng 2023 của Công ty Cổ phần Giồng bò Sữa Mộc Châu "Công ty".
1. Tên công ty: Công ty cổ phần Giồng Bò Sữa Mộc Châu
 2. Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
 3. Điện thoại: 0212 3866 065
 4. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Hải Nam – Tổng giám đốc
 5. Nội dung công bố thông tin:

Giải trình báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 | % tăng trưởng |
|--|----------------------|----------------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 194.063 | 175.278 | 10,7% |

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 đạt gần 194,1 tỷ đồng tăng 10,7% (18,8 tỷ đồng) so với 6 tháng đầu năm 2022 chủ yếu nhờ các yếu tố sau:

- Lợi nhuận tài chính tăng cao nhờ số dư tiền gửi ngân hàng dồi dào và lãi suất tốt so với cùng kỳ năm 2023.
- Cơ cấu chi phí vận hành tiếp tục được duy trì tối ưu, ổn định.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP GIỒNG BÒ SỮA MỘC CHÂU

Đại diện pháp luật



Phạm Hải Nam
Tổng Giám Đốc



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 5500154060 ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|---------------------------------|
| Bà Mai Kiều Liên | Chủ tịch |
| Ông Phạm Hải Nam | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quang Trí | Thành viên |
| Ông Hoàng Văn Chất | Thành viên độc lập |
| Ông Lê Hoàng Minh | Thành viên (từ ngày 27/4/2023) |
| Ông Trịnh Quốc Dũng | Thành viên (đến ngày 27/4/2023) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|--------------------|
| Ông Phạm Hải Nam | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Mạnh Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Sỹ Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Đức Nam | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Huy Bích | Giám đốc tài chính |

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Trần Ngọc Duy | Trưởng ban |
| Ông Trịnh Công Sơn | Thành viên |
| Ông Phạm Quang Thùy | Thành viên |

Trụ sở đăng ký

Thị trấn Nông trường Mộc Châu,
Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Sơn La, **07 -08- 2023**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00145-23-2



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 2023



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 2.202.101.727.357 | 2.123.220.312.307 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 8 | 171.885.212.542 | 312.014.000.629 |
| Tiền | 111 | | 56.885.212.542 | 18.014.000.629 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 115.000.000.000 | 294.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.460.000.000.000 | 1.285.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 9(a) | 1.460.000.000.000 | 1.285.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 302.437.277.381 | 308.245.606.585 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 10 | 230.865.154.805 | 191.007.451.094 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 15.554.246.617 | 32.357.999.719 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 11 | 56.017.875.959 | 84.880.155.772 |
| Hàng tồn kho | 140 | 12 | 262.207.483.346 | 194.208.239.908 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 264.468.941.753 | 195.078.879.695 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.261.458.407) | (870.639.787) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.571.754.088 | 23.752.465.185 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13(a) | 5.571.754.088 | 5.650.727.402 |
| Thuế và các khoản khác phải thu | | | | |
| Nhà nước | 153 | 19 | - | 18.101.737.783 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 400.434.177.022 | 332.025.778.088 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 165.180.600 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 165.180.600 |
| Tài sản cố định | 220 | | 323.440.528.331 | 226.824.456.353 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 323.301.639.442 | 226.518.900.796 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.038.913.550.580 | 922.049.658.529 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (715.611.911.138) | (695.530.757.733) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 138.888.889 | 305.555.557 |
| Nguyên giá | 228 | | 3.988.000.000 | 3.988.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.849.111.111) | (3.682.444.443) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 66.584.012.945 | 96.856.204.400 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh
dở dang dài hạn | 241 | 16 | 9.747.712.384 | 11.391.545.403 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 17 | 56.836.300.561 | 85.464.658.997 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 83.719.600 | 83.719.600 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 9(b) | 83.719.600 | 83.719.600 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 10.325.916.146 | 8.096.217.135 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13(b) | 10.325.916.146 | 8.096.217.135 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN
(270 = 100 + 200) | 270 | | 2.602.535.904.379 | 2.455.246.090.395 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 327.599.956.536 | 244.966.906.788 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 322.743.814.890 | 237.996.795.391 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 18 | 134.281.347.326 | 102.500.307.359 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 888.565.143 | 690.827.705 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 19 | 58.607.138.819 | 418.333.702 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 12.269.810.517 | 20.028.533.046 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20 | 69.909.411.280 | 60.824.707.289 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21(a) | 13.769.800.800 | 21.546.771.422 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 33.017.741.005 | 31.987.314.868 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 4.856.141.646 | 6.970.111.397 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 21(b) | 1.621.165.874 | 3.711.780.002 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 3.234.975.772 | 3.258.331.395 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 2.274.935.947.843 | 2.210.279.183.607 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 2.274.935.947.843 | 2.210.279.183.607 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 1.100.000.000.000 | 1.100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.100.000.000.000 | 1.100.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 817.274.340.000 | 817.274.340.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 27 | 130.740.150.537 | 111.333.843.400 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 226.921.457.306 | 181.671.000.207 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này/năm trước | 421a | | 71.671.000.207 | 14.431.645.083 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay | 421b | | 155.250.457.099 | 167.239.355.124 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 2.602.535.904.379 | 2.455.246.090.395 |

07 -08- 2023

Người lập:



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

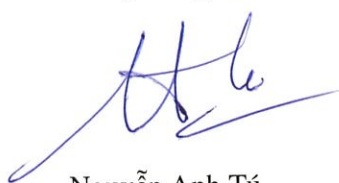
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| | | | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 29 | 1.525.612.398.659 | 1.514.305.219.889 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 29 | 1.044.684.221 | 297.428.413 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 29 | 1.524.567.714.438 | 1.514.007.791.476 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 30 | 1.039.176.529.841 | 1.025.414.907.584 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 485.391.184.597 | 488.592.883.892 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 31 | 77.258.457.994 | 52.236.303.465 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 375.417.155 | 656.760.155 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 636.335.055 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 321.230.037.550 | 324.855.455.740 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 18.560.728.814 | 20.320.275.794 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 222.483.459.072 | 194.996.695.668 |
| Thu nhập khác | 31 | 34 | 4.142.154.427 | 9.924.819.718 |
| Chi phí khác | 32 | 35 | 8.659.965.559 | 12.377.529.984 |
| Lỗ khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (4.517.811.132) | (2.452.710.266) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 217.965.647.940 | 192.543.985.402 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 37 | 23.902.576.567 | 17.265.741.693 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 194.063.071.373 | 175.278.243.709 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 38 | 1.588 | 1.434 |

07 -08- 2023

Người lập:



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|----------------------------|------------------------|
| | | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 217.965.647.940 | 192.543.985.402 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 27.376.463.381 | 27.707.706.907 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 1.437.618.469 | 264.576.379 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 288.179 | 10.350.772 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (70.365.069.802) | (48.449.574.455) |
| Chi phí lãi vay | 06 | - | 636.335.055 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 176.414.948.167 | 172.713.380.060 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (23.061.202.100) | (27.000.510.890) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (69.422.417.530) | (62.912.408.718) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 76.484.527.106 | 57.815.452.581 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | (1.862.074.358) | (2.966.283.806) |
| | | 158.553.781.285 | 137.649.629.227 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | (799.033.504) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (391.066.130) | (19.215.331.507) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 3.300.000 | 11.920.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (18.416.981.000) | (9.938.098.044) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 139.749.034.155 | 107.709.086.172 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (80.344.328.050) | (62.862.364.966) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | 2.313.799.591 | 6.660.252.963 |
| Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân | 23 | (1.615.000.000.000) | (1.334.000.000.000) |
| Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư | 24 | 1.440.000.000.000 | 1.521.374.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | 83.121.821.896 | 82.335.615.941 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (169.908.706.563) | 213.507.503.938 |


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


| | Mã số | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------|----------------------------|--------------------------|
| | | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | (77.155.349.198) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (109.968.827.500) | (164.968.578.750) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (109.968.827.500) | (242.123.927.948) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ
(50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (140.128.499.908) | 79.092.662.162 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 312.014.000.629 | 92.149.347.158 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (288.179) | (128.272) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8) | 70 | 171.885.212.542 | 171.241.881.048 |

07 -08- 2023

Người lập: 



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt: 



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:  

Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gồm:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến thức ăn gia súc;
- Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn gia súc;
- Bán lẻ sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt;
- Bán buôn thuốc thú y;
- Bán buôn hóa chất tẩy rửa máy móc;
- Sản xuất phân vi sinh;
- Bán buôn máy móc; thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn sữa và các sản phẩm từ sữa và thịt;
- Sản xuất và cung ứng giống bò;
- Chăn nuôi bò sữa, bò thịt;
- Bán lẻ vật tư thú y và thuốc thú y; và
- Bán lẻ hóa chất tẩy rửa máy móc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có một chi nhánh tại số 29, Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội với hoạt động chính là bán và giới thiệu sản phẩm sữa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 797 nhân viên (1/1/2023: 797 nhân viên).

24
BT
MH
MC
M -

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 33 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 24 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ gia súc | 4 – 7 năm |
| ▪ tài sản khác | 3 – 8 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 12 đến 36 tháng.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 18 đến 36 tháng.

(j) Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (Quỹ) được thành lập với mục tiêu đảm bảo hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò, bê. Đối tượng tham gia và đóng góp vào Quỹ này là các hộ chăn nuôi tham gia ký “Hợp đồng mua bán sữa bò tươi” với Công ty. Việc tham gia Quỹ này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Quỹ không được sử dụng để thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào của Công ty mà chỉ phục vụ mục đích nêu trên. Quỹ không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, thực hiện việc dừng thu Quỹ, số dư của Quỹ được chi trả cho các hộ chăn nuôi theo quy chế của Quỹ cho tới khi chi hết Quỹ. Trong quá trình hoạt động, khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ trên cơ sở thực thu tiền.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

12-C
TY
HỮU H
IG
- T.P.

H.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kỳ báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động chủ yếu trên một bộ phận hoạt động kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ trực tiếp, công ty mẹ cấp cao nhất, và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 38.056.070 | 80.614.649 |
| Tiền gửi ngân hàng | 56.847.156.472 | 17.933.385.980 |
| Trong đó: | | |
| - Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i) | 1.778.410.677 | 3.342.720.190 |
| Các khoản tương đương tiền | 115.000.000.000 | 294.000.000.000 |
| Trong đó: | | |
| - Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i) | - | 9.000.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 171.885.212.542 | 312.014.000.629 |

- (i) Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được theo dõi trên một tài khoản ngân hàng riêng. Tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò, bê và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng và được hưởng lãi suất từ 4,75% đến 5,5%/năm (1/1/2023: 6,2%/năm).

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|--|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | Giá gốc
VND | Giá trị hợp lý
VND | Giá gốc
VND | Giá trị hợp lý
VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | 1.460.000.000.000 | 1.460.000.000.000 | 1.285.000.000.000 | 1.285.000.000.000 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng trong nước với lãi suất từ 4,75% đến 11,7%/năm (1/1/2023: kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất 6% đến 11,5%/năm). Trong đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 10.000.000.000 VND tiền gửi có kỳ hạn từ nguồn Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (1/1/2023: 6.000.000.000 VND). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/6/2023 | | | | 1/1/2023 | | | | |
|--|-----------|----------|--------------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------|--------------|--------------------|
| | Số lượng | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Mộc Châu | 7.730 | 0,09% | 0,09% | (*) 83.719.600 | - | 0,13% | 83.719.600 | - | (*) |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này, và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

| | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | 75.839.230.119 | 54.133.995.274 |
| Các bên khác
Các khách hàng khác | 155.025.924.686 | 136.873.455.820 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 230.865.154.805 | 191.007.451.094 |
| | <hr/> | <hr/> |

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ cấp cao nhất không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 – 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

| | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu lãi tiền gửi, lãi ứng vốn | 55.214.123.301 | 64.777.178.087 |
| Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi (*) | 174.209.552 | 20.004.600.000 |
| Phải thu khác | 629.543.106 | 98.377.685 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 56.017.875.959 | 84.880.155.772 |
| | <hr/> | <hr/> |

(*) Phản ánh các khoản cho các hộ chăn nuôi vay để mua bò, đầu tư chăn nuôi, với kỳ hạn gốc 12 tháng, lãi suất 0,75%/tháng (1/1/2023: 0,75%/tháng).

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc
VND | Dự phòng
VND | Giá gốc
VND | Dự phòng
VND |
| Hàng mua đang đi đường | - | - | 1.603.919.109 | - |
| Nguyên vật liệu | 173.423.400.722 | (1.854.802.268) | 155.129.002.755 | (496.026.179) |
| Công cụ và dụng cụ | 2.054.728.195 | (381.001.112) | 2.765.076.808 | (374.613.608) |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 7.277.660.466 | - | 16.670.045.102 | - |
| Thành phẩm | 80.963.472.182 | (25.655.027) | 18.757.988.063 | - |
| Hàng hóa | 749.680.188 | - | 152.847.858 | - |
| | 264.468.941.753 | (2.261.458.407) | 195.078.879.695 | (870.639.787) |

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 602.658.232 | 1.375.345.122 |
| Chi phí quảng cáo | - | 275.000.000 |
| Chi phí sửa chữa xe vận tải, nhà cửa | 1.209.694.334 | 2.286.265.459 |
| Chi phí thuê đất | 3.296.554.020 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 462.847.502 | 1.714.116.821 |
| | 5.571.754.088 | 5.650.727.402 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ
VND | Chi phí trả trước dài hạn khác
VND | Tổng cộng
VND |
|------------------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu kỳ | 6.421.726.478 | 1.674.490.657 | 8.096.217.135 |
| Tăng trong kỳ | 5.159.472.994 | 528.690.274 | 5.688.163.268 |
| Phân bổ trong kỳ | (2.701.776.369) | (756.687.888) | (3.458.464.257) |
| Số dư cuối kỳ | 8.879.423.103 | 1.446.493.043 | 10.325.916.146 |

Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND | Máy móc và
thiết bị
VND | Thiết bị
văn phòng
VND | Phương tiện
vận chuyển
VND | Gia súc
VND | Tài sản khác
VND | Tổng cộng
VND |
|---|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------|---------------------|-------------------|
| Số dư đầu kỳ | 148.131.435.621 | 636.728.409.350 | 10.213.433.936 | 60.965.287.885 | 58.166.944.424 | 7.844.147.313 | 922.049.658.529 |
| Tăng trong kỳ | - | 2.469.227.603 | 2.471.478.148 | - | - | - | 4.940.705.751 |
| Chuyển từ chi phí sản xuất,
kinh doanh dở dang dài hạn | - | - | - | - | 8.442.425.514 | - | 8.442.425.514 |
| Chuyển từ xây dựng
cơ bản dở dang | 68.495.529.516 | 40.871.554.207 | - | - | - | 6.588.055.679 | 115.955.139.402 |
| Thanh lý | (832.598.639) | (884.230.000) | - | (480.871.587) | (10.276.678.390) | - | (12.474.378.616) |
| Số dư cuối kỳ | 215.794.366.498 | 679.184.961.160 | 12.684.912.084 | 60.484.416.298 | 56.332.691.548 | 14.432.202.992 | 1.038.913.550.580 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 119.099.502.771 | 494.400.793.871 | 2.694.443.953 | 53.658.774.325 | 20.901.491.024 | 4.775.751.789 | 695.530.757.733 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.432.360.068 | 14.331.798.618 | 1.003.562.940 | 1.272.212.877 | 4.545.468.882 | 624.393.328 | 27.209.796.713 |
| Thanh lý | (832.598.639) | (884.230.000) | - | (480.871.587) | (4.930.943.082) | - | (7.128.643.308) |
| Số dư cuối kỳ | 123.699.264.200 | 507.848.362.489 | 3.698.006.893 | 54.450.115.615 | 20.516.016.824 | 5.400.145.117 | 715.611.911.138 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 29.031.932.850 | 142.327.615.479 | 7.518.989.983 | 7.306.513.560 | 37.265.453.400 | 3.068.395.524 | 226.518.900.796 |
| Số dư cuối kỳ | 92.095.102.298 | 171.336.598.671 | 8.986.905.191 | 6.034.300.683 | 35.816.674.724 | 9.032.057.875 | 323.301.639.442 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 521.793 triệu VND (1/1/2023: 513.064 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm
máy vi tính
VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ | 3.988.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu kỳ | 3.682.444.443 |
| Khấu hao trong kỳ | 166.666.668 |
| Số dư cuối kỳ | 3.849.111.111 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu kỳ | 305.555.557 |
| Số dư cuối kỳ | 138.888.889 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 2.988 triệu VND (1/1/2023: 2.988 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi. Chi phí này sẽ được kết chuyển sang hạng mục giá súc của tài sản cố định hữu hình khi bò đủ mười sáu tháng tuổi (thời điểm bò sẵn sàng cho việc sản xuất sữa).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 85.464.658.997 | 102.119.517.256 |
| Tăng trong kỳ | 87.615.432.305 | 46.071.709.262 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (115.955.139.402) | (111.270.940.877) |
| Chuyển sang công cụ dụng cụ ngắn hạn | (288.651.339) | - |
| Số dư cuối kỳ | 56.836.300.561 | 36.920.285.641 |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bộ chuyển đổi máy rót UHT hộp leaf 2023 | 33.641.041.602 | - |
| Dự án mở rộng trung tâm giống | 6.818.322.010 | 69.879.067.477 |
| Trang trại du lịch sinh thái bò sữa | 5.716.156.962 | 4.651.483.536 |
| Nhà ăn ca và hành lang cầu của nhà máy UHT | - | 4.585.106.982 |
| Máy móc thiết bị | 6.525.424.964 | 531.290.213 |
| Các công trình khác | 4.135.355.023 | 5.817.710.789 |
| | 56.836.300.561 | 85.464.658.997 |

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|---|------------------------|
| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | |
| Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | 1.094.385.452 | 768.894.576 |
| Công ty mẹ trực tiếp | | |
| Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP | 71.743.526 | 186.109.653 |
| Các công ty liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam | 2.357.855.000 | 4.319.636.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội | 5.990.681.035 | 896.000.000 |
| Các bên khác | | |
| Các hộ chăn nuôi | 36.486.432.872 | 35.400.403.674 |
| Các bên khác | 88.280.249.441 | 60.929.263.456 |
| | 134.281.347.326 | 102.500.307.359 |

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2023
VND | Số phải nộp
trong kỳ
VND | Số đã nộp
trong kỳ
VND | 30/6/2023
VND |
|--------------------------------------|-------------------------------|---|---|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng (*) | (18.017.741.617) | 44.941.208.496 | (55.589.957) | 26.867.876.922 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 3.411.063.607 | (3.411.063.607) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 28.072.104 | (28.072.104) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 391.066.130 | 23.902.576.567 | (391.066.130) | 23.902.576.567 |
| Thuế thu nhập cá nhân | (75.568.470) | 3.712.856.404 | (3.551.184.339) | 86.103.595 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 7.854.374.840 | (116.213.105) | 7.738.161.735 |
| Các loại thuế khác | 18.839.876 | 119.724.218 | (126.144.094) | 12.420.000 |
| | (17.683.404.081) | 83.969.876.236 | (7.679.333.336) | 58.607.138.819 |

Trong đó:

| | 1/1/2023
VND | 30/6/2023
VND |
|--|-------------------------------|--------------------------------|
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | (18.101.737.783) | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 418.333.702 | 58.607.138.819 |
| | (17.683.404.081) | 58.607.138.819 |

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại | 56.733.189.299 | 52.268.513.520 |
| Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi | 1.547.203.600 | 3.066.245.380 |
| Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông | 4.216.508.983 | 19.272.649 |
| Chi phí bảo dưỡng máy móc | 1.459.732.340 | 2.696.950.590 |
| Các khoản trích trước khác | 5.952.777.058 | 2.773.725.150 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 69.909.411.280 | 60.824.707.289 |
| | <hr/> | <hr/> |

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|-----------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi | 11.778.410.677 | 18.342.719.689 |
| Kinh phí công đoàn | 511.305.842 | 1.914.995.754 |
| Phải trả cán bộ nhân viên | 444.854.782 | 572.810.092 |
| Cổ tức phải trả | 135.910.000 | 104.737.500 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 899.319.499 | 611.508.387 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 13.769.800.800 | 21.546.771.422 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|-------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các quỹ khác | 945.565.874 | 1.087.180.002 |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 675.600.000 | 2.624.600.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.621.165.874 | 3.711.780.002 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập chủ yếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 31.987.314.868 | 30.411.517.040 |
| Tăng trong kỳ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 19.406.307.137 | 17.527.824.371 |
| Tăng trong kỳ từ nguồn khác | 3.300.000 | 11.920.000 |
| Sử dụng trong kỳ | (18.379.181.000) | (9.938.098.044) |
| Số dư cuối kỳ | 33.017.741.005 | 38.013.163.367 |

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------|----------------------------|---------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 3.258.331.395 | 1.748.422.123 |
| Dự phòng lập trong kỳ | 14.444.377 | (333.429.616) |
| Dự phòng sử dụng trong kỳ | (37.800.000) | - |
| Số dư cuối kỳ | 3.234.975.772 | 1.414.992.507 |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần
VND | Thặng dư
vốn cổ phần
VND | Quỹ đầu tư
phát triển
VND | Lợi nhuận sau thuế
chưa phân phối
VND | Tổng cộng
VND |
|---|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|-------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2022 | 1.100.000.000.000 | 817.274.340.000 | 76.678.924.011 | 179.431.645.083 | 2.173.384.909.094 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 175.278.243.709 | 175.278.243.709 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 17.527.824.371 | (17.527.824.371) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
(Thuyết minh 22) | - | - | - | (17.527.824.371) | (17.527.824.371) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | (165.000.000.000) | (165.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 30/6/2022 | 1.100.000.000.000 | 817.274.340.000 | 94.206.748.382 | 154.654.240.050 | 2.166.135.328.432 |
| Số dư tại ngày 1/1/2023 | 1.100.000.000.000 | 817.274.340.000 | 111.333.843.400 | 181.671.000.207 | 2.210.279.183.607 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 194.063.071.373 | 194.063.071.373 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 19.406.307.137 | (19.406.307.137) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
(Thuyết minh 22) | - | - | - | (19.406.307.137) | (19.406.307.137) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | (110.000.000.000) | (110.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 30/6/2023 | 1.100.000.000.000 | 817.274.340.000 | 130.740.150.537 | 226.921.457.306 | 2.274.935.947.843 |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|----------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 | 110.000.000 | 1.100.000.000.000 |

Vốn cổ phần của Công ty, chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

| Cổ đông | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|--|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
| | VND | % | VND | % |
| Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP | 652.299.710.000 | 59,30% | 652.299.710.000 | 59,30% |
| Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | 97.377.900.000 | 8,85% | 97.377.900.000 | 8,85% |
| Các cổ đông khác | 350.322.390.000 | 31,85% | 350.322.390.000 | 31,85% |
| | 1.100.000.000.000 | 100% | 1.100.000.000.000 | 100% |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức trị giá 110.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 165.000 triệu VND (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/6/2023
VND | 1/1/2023
VND |
|--------------------|------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 10.671.878.475 | 10.671.878.475 |
| Từ hai đến năm năm | 39.011.048.525 | 39.011.048.525 |
| Trên năm năm | 335.878.486.830 | 344.712.132.617 |
| | 385.561.413.830 | 394.395.059.617 |

(b) Ngoại tệ các loại

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|-----|-----------|--------------------|-----------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương
VND | Nguyên tệ | Tương đương
VND |
| USD | 64 | 1.502.219 | 64 | 1.502.220 |
| EUR | 101 | 2.553.167 | 101 | 2.506.452 |
| | | 4.055.386 | | 4.008.672 |

CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 GIỐNG BÒ
 SỮA MỘC CHÂU
 T.P.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------------|----------------------------|-------------------|
| | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Doanh thu bán thành phẩm | 1.483.683.983.000 | 1.478.171.016.849 |
| ▪ Doanh thu bán hàng hóa | 41.271.478.754 | 35.073.501.091 |
| ▪ Doanh thu khác | 656.936.905 | 1.060.701.949 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.525.612.398.659 | 1.514.305.219.889 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (1.044.684.221) | (12.411.080) |
| ▪ Chiết khấu thương mại | - | (285.017.333) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (1.044.684.221) | (297.428.413) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Doanh thu thuần | 1.524.567.714.438 | 1.514.007.791.476 |
| | <hr/> | <hr/> |



30. Giá vốn hàng bán

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------|----------------------------|-------------------|
| | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Tổng giá vốn hàng bán của: | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 997.559.518.762 | 988.567.606.295 |
| ▪ Hàng hóa đã bán | 37.001.266.400 | 32.257.310.197 |
| ▪ Giá vốn khác | 3.192.570.587 | 3.900.109.499 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.423.174.092 | 689.881.593 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.039.176.529.841 | 1.025.414.907.584 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 73.558.767.110 | 48.646.148.826 |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 3.267.117.804 | 3.498.986.282 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 432.573.080 | 91.168.357 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 77.258.457.994 | 52.236.303.465 |
| | <hr/> | <hr/> |

32. Chi phí bán hàng

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------------------|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 18.985.452.335 | 17.501.844.910 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 48.476.828 | 14.680.189 |
| Chi phí dụng cụ đồ dùng | 2.266.656.836 | 1.746.479.518 |
| Chi phí khấu hao | 179.954.455 | 246.940.860 |
| Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại | 280.527.547.021 | 284.933.115.447 |
| Chi phí mua ngoài | 16.150.701.512 | 18.037.150.950 |
| Chi phí bán hàng khác | 3.071.248.563 | 2.375.243.866 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 321.230.037.550 | 324.855.455.740 |
| | <hr/> | <hr/> |

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|------------------------------------|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 8.279.456.154 | 8.072.108.532 |
| Chi phí vật liệu, công cụ | 693.227.678 | 624.613.413 |
| Chi phí khấu hao | 754.384.618 | 1.093.914.318 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.328.977.168 | 3.182.003.596 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.647.308.636 | 4.691.200.436 |
| Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc | 14.444.377 | - |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.842.930.183 | 2.656.435.499 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 18.560.728.814 | 20.320.275.794 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|----------------------------|---------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 2.152.038.000 | 6.660.252.963 |
| Các khoản khác | 1.990.116.427 | 3.264.566.755 |
| | 4.142.154.427 | 9.924.819.718 |

35. Chi phí khác

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | 5.345.735.308 | 6.856.827.334 |
| Chi phí vắc xin tiêm phòng bò cho các hộ dân | 1.433.531.561 | 1.987.769.477 |
| Các khoản khác | 1.880.698.690 | 3.532.933.173 |
| | 8.659.965.559 | 12.377.529.984 |

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất | 991.069.399.058 | 997.618.981.661 |
| Chi phí nhân viên | 67.193.565.023 | 65.927.899.572 |
| Chi phí khấu hao | 27.048.083.801 | 25.931.748.125 |
| Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại | 280.527.547.021 | 284.933.115.447 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác ngoài chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại | 42.579.715.748 | 39.519.622.895 |
| Chi phí khác bằng tiền | 21.938.910.945 | 15.925.925.110 |



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Kỳ hiện hành | 23.902.576.567 | 17.236.809.770 |
| Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế năm 2021 | - | 28.931.923 |
| | <u>23.902.576.567</u> | <u>17.265.741.693</u> |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 217.965.647.940 | 192.543.985.402 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 43.593.129.588 | 38.508.797.080 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 221.231.200 | 231.673.372 |
| Thu nhập miễn thuế | (19.911.784.221) | (21.503.660.682) |
| Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế năm 2021 | - | 28.931.923 |
| | <u>23.902.576.567</u> | <u>17.265.741.693</u> |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế ngày 12 tháng 2 năm 2015, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các khoản thu nhập khác của Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND) | 194.063.071.373 | 175.278.243.709 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (19.406.307.137) | (17.527.824.371) |
| <hr/> | | |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND) | 174.656.764.236 | 157.750.419.338 |
| <hr/> | | |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (Thuyết minh 38(b)) | 110.000.000 | 110.000.000 |
| <hr/> | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 1.588 | 1.434 |

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ | 110.000.000 | 110.000.000 |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ | - | - |
| <hr/> | | |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 110.000.000 | 110.000.000 |



Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|--|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2023
VND | 30/6/2022
VND |
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | |
| Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | | |
| Bán hàng hóa | 230.135.993.049 | 209.969.274.156 |
| Mua hàng hóa | 12.165.200.245 | 3.227.713.539 |
| Cổ tức | 9.737.790.000 | 14.606.685.000 |
| Công ty mẹ trực tiếp | | |
| Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 316.931.220 | 330.198.436 |
| Cổ tức | 65.229.971.000 | 97.844.956.500 |
| Các công ty liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam | | |
| Mua hàng hóa | 44.662.769.630 | 29.873.698.584 |
| Bán hàng hóa | - | 1.120.844.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội | | |
| Mua hàng hóa | 7.783.105.000 | 8.685.550.000 |
| Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa | | |
| Bán hàng hóa | - | 900.894.000 |
| Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | | |
| Thù lao và các khoản phúc lợi khác | 1.100.324.615 | 825.533.527 |
| Ban Tổng Giám đốc | | |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | 1.491.529.000 | 1.828.323.369 |

Công ty Cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

| Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|----------------------------|-----------|
| 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| VND | VND |


Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong kỳ

| | |
|----------------|----------------|
| 19.019.125.675 | 10.735.000.000 |
|----------------|----------------|

41. Thông tin so sánh


Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các thuyết minh liên quan. Thông tin so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các thuyết minh liên quan. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

07 -08- 2023

Người lập: 



Nguyễn Anh Tú
Kế toán trưởng

Người duyệt: 

Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Phạm Hải Nam
Tổng Giám đốc